

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1 Đỗ Văn K. Sinh ngày 05/04/2001. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. HKTT và chỗ ở: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Họ tên bố: Đỗ Văn S. Sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên mẹ: Tạ Thị M. Sinh năm 1981. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: không. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

1.2 Đinh Thị L. Sinh ngày 28/02/2001. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. HKTT: thôn K xã L, huyện K, tỉnh H. Chỗ ở: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Họ tên bố: Đinh Văn D. Sinh năm 1978. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên mẹ: Vì Thị L. Sinh năm 1986. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị cáo là con duy

nhất trong gia đình. Chồng: Phạm Duy T. Sinh năm 1997. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con: bị cáo có 01 con sinh năm 2019 và 01 con chưa đăng ký khai sinh, sinh ngày 22/02/2023. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người làm chứng:

- Ông Phạm Huy B, sinh năm 1961; trú tại: thôn K xã L, huyện K, tỉnh H; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; trú tại: thôn K xã L, huyện K, tỉnh H; (vắng mặt)

- Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1979; trú tại: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh H; (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; trú tại: thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 21/12/2022, tại khu vực ngã tư L, xã M, huyện Y, tỉnh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn K và Đinh Thị L đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: tại túi quần phía sau bên phải của Đỗ Văn K số tiền 748.000đ (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) được niêm phong ký hiệu T1; trên tay trái Đinh Thị L đang cầm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS vỏ màu vàng đã qua sử dụng, số imei: 357236091519305, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0392.099.345, được niêm phong ký hiệu T2; tại trên mặt đường sát chân phải của Đỗ Văn K: 01 (một) gói giấy màu trắng có kích thước (4x3)cm, bên trong có 02 (hai) túi nilon màu trắng có viền màu xanh ở miệng túi đều có kích thước (2,5x2,5)cm, bên trong đều có chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu T3; thu của Đỗ Văn K: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, không gắn BKS, không có yếm hai bên, có số khung: RLHJA3919KY089439, số máy: JA39E-0945853. K trình bày, số ma túy K và L mang đi bán là do K mua lại của Dương Văn H1.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Văn K và Dương Văn H1. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Bản kết luận giám định số 43/KL-KTHS(MT) ngày 24/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu chất dạng chất tinh thể màu trắng trong niêm phong ký hiệu T3, có tổng khối lượng là: 1,904 g (*Một phẩy chín không bốn gam*) là ma túy, loại Ketamine. Hoàn lại trong một

niêm phong ghi số 43/KL-KTHS(MT), bên trong có: 1,881g (*Một phẩy tám tám một gam*) ma túy loại Ketamine, 02 (Hai) túi nilon, 01 (Một) gói giấy và 01 (Một) vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định. Các mẫu hoàn lại được niêm phong giao cho Công an huyện Y- tỉnh H quản lý.

Quá trình điều tra Đỗ Văn K và Đinh Thị L đều khai nhận: K và L không có công việc ổn định, là người yêu và sống với nhau tại nhà của K ở thôn T, xã P, huyện K từ đầu tháng 05/2022. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/12/2022, khi K, L và Dương Văn H1 đang ở nhà của K thì L nhận được điện thoại từ số điện thoại 0983.903.111 của một người thanh niên được K lưu trong danh bạ điện thoại của L là “Đạt”. K mới quen vào đầu tháng 12/2022 nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ gọi tới số điện thoại 0392.099.345 của K được lắp trong chiếc điện thoại của L (*Điện thoại do K là người sử dụng*). L đưa điện thoại cho K nghe máy. Đạt hỏi mua của K 02 (hai) chỉ Ke (*ma túy loại Ketamine*), thì K đồng ý và ra giá là 2.000.000 đồng và hẹn đến 15 giờ cùng ngày sẽ gặp và trực tiếp giao dịch mua bán ma túy tại khu vực ngã tư L, xã M, huyện Y. Sau khi nghe điện thoại, K liền nói với Hậu “*Anh lấy hộ em hai chỉ ke*” thì Hậu đồng ý, trả lời “*Hai chỉ ke giá 1.500.000đồng*”. Rồi K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, không gắn biển số chở Hậu về nhà của Hậu ở thôn Thị Tứ, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu. Hậu đi một mình vào trong nhà và hẹn K ra chờ ở gốc cây đa đầu thôn Thị Tứ. Trong khi chờ Hậu thì K điều khiển xe về nhà K nói với L “*Đi cùng anh để giao hàng cho khách*”. L hiểu ý là đi bán ma túy thì L đồng ý. Rồi K điều khiển xe chở L đến gốc cây đa đầu thôn Thị Tứ, chờ khoảng 10 phút thì H1 đi bộ một mình ra, cầm tay phải đưa cho K 01 (một) gói giấy mềm màu trắng, bên trong có 02 (hai) túi nilon màu trắng có viền màu xanh ở miệng túi, bên trong đều có chứa chất tinh thể màu trắng (*là ma túy, loại Ketamine*). K cầm lấy gói ma túy và nói “*Chờ em đi bán lấy tiền rồi về trả anh*”. H1 đồng ý và trả lời lại là “*Ok*” rồi bỏ đi. K đưa lại gói ma túy trên cho L. L cầm gói ma túy bằng tay phải rồi cho tay vào túi áo khoác ngoài bên phải của K. K điều khiển xe mô tô chở L đến khu vực ngã tư L, xã M, huyện Y để bán cho Đạt thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang, thu giữ các vật chứng có liên quan.

Về thu giữ vật chứng:

- Số tiền 748.000đồng thu tại của bị cáo K là của bị cáo L nhờ bị cáo K giữ hộ không liên quan đến hành vi phạm tội, hiện được tạm gửi vào tài khoản của Công an huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y.

- Đối với một niêm phong ghi số 43/KL-KTHS(MT) bên trong có: 1,881g (*Một phẩy tám tám một gam*) ma túy loại Ketamine, 02 (Hai) túi nilon, 01 (Một) gói giấy và 01 (Một) vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định hoàn lại; 01

(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS vỏ màu vàng đã qua sử dụng, là của bị cáo L, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0392.099.345 là của bị cáo K, là của các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy. Hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện Y.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, không gắn BKS, không có yếm hai bên, có số khung: RLHJA3919KY089439, số máy: JA39E-0945853, quá trình điều tra xác định là của anh Lê Đình K, sinh năm: 1974, nơi cư trú: thôn X - Đ -Đ -TB. Anh Lê Đình K trình bày bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe trên từ cuối năm 2019 (*Không rõ ngày tháng*) tại khu vực ngã tư hồ T thuộc địa phận quận H - TP. HP. Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an quận H để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với việc bị cáo K và L khai số ma túy mang bán bị thu giữ là do bị cáo K mua của Dương Văn H1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thông báo bằng văn bản cho Cơ quan CSĐT Công an huyện K để tiến hành giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng tên Đạt theo K khai mang ma túy để bán cho, đến nay chưa xác định được lai lịch cụ thể. Do đó, Cơ quan điều tra Công an huyện tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với việc bị cáo L đã kết hôn với anh Phạm Duy T, sinh năm 1997, nơi cư trú: thôn L-L-K-H vào ngày 19/02/2020, đến nay chưa ly hôn. Cuối năm 2021, bị cáo L và K quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với nhau. Đến tháng 5/2022 bị cáo L chuyển đến chung sống cùng bị cáo K tại nhà bị cáo K ở thôn T - P - K. Ngày 22/02/2023 bị cáo L sinh con (*theo bị cáo L và K trình bày là con chung của hai người*). Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã có công văn đề nghị UBND xã P - K - H xem xét xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-YM ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Đỗ Văn K và Đinh Thị L *Mua bán trái phép chất ma túy* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo K và L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo L xin được nhận lại số tiền 748.000đồng.

Đại diện VKSND huyện Y giữ nguyên quan điểm đã truy tố: Đề nghị HĐXX Tuyên bố: các Bị cáo Đỗ Văn K và Đinh Thị L phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn K và Đinh

Thị L. Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Đinh Thị L. Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn K từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2022. Bị cáo Đinh Thị L từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy đối với 01 phong bì niên phong mẫu hoàn lại sau giám định số 43/KL-KTHS bên trong chứa ma túy và mẫu vật liên quan.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS vỏ màu vàng đã qua sử dụng; tịch thu cho tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0392.099.345.

Trả lại bị cáo Đinh Thị L số tiền 748.000đồng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Đỗ Văn K và Đinh Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đều không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng; các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đều có quan điểm đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt những người làm chứng. HĐXX xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử, nên HĐXX căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản lấy lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 21/12/2022 tại khu vực ngã tư L, xã M, huyện Y, tỉnh H, Đỗ Văn K và Đinh Thị L đã có hành vi mang 1,904g (*một phẩy chín không bốn gam*) ma túy, loại Ketamine, mục đích đi bán để lấy số tiền 2.000.000đồng thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo và khối lượng ma túy bị thu giữ như nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Đỗ Văn K, Đinh Thị L về hành vi và tội danh như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện; đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội của địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân; là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo K là người giữ vai trò chính, trực tiếp thỏa thuận mua bán ma túy, nhờ người khác mua ma túy để bán lại kiếm lời; bị cáo L là đồng phạm thực hành nên có vai trò thấp hơn bị cáo K.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K, L đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo L tại thời điểm phạm tội đang mang thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý, mục đích vụ lợi, đều thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 phong bì niêm phong mẫu hoàn lại sau giám định số 43/KL-KTHS bên trong có chứa 1,881g ma túy loại Ketamine là chất Nhà nước cấm lưu hành, 02 túi nilon, 01 gói giấy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định là vật chứng liên quan đến tội phạm và không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS vỏ màu vàng đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0392.099.345 trong niêm phong là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại và cho tiêu hủy sim số 0392.099.345 được lắp bên trong điện thoại.

Đối với số tiền 748.000đồng thu giữ khi bắt giữ các bị cáo: quá trình điều tra xác định số tiền này của bị cáo L nhờ bị cáo K giữ hộ, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo L đề nghị được xin lại số tiền trên, nên cần trả cho bị cáo L.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, không gắn BKS, quá trình điều tra xác định là của anh Lê Đình K, sinh năm: 1974, nơi cư trú: thôn X - Đ -Đ -TB. Anh Lê Đình K trình bày bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe trên từ cuối năm 2019 (*Không rõ ngày tháng*) tại khu vực ngã tư hồ T thuộc địa phận quận H, thành phố HP. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

Đối với việc bị cáo K và L khai số ma túy mang bán bị thu giữ là do bị cáo K mua của Dương Văn H1, sinh năm: 1998 tại thôn T, xã P, huyện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để tiến hành giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

Bị cáo K mang ma túy để bán cho đối tượng tên Đạt, đến nay chưa xác định được lai lịch cụ thể. Do đó, đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Y tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bị cáo L đã kết hôn với anh Phạm Duy T, sinh năm 1997, nơi cư trú: thôn K xã L, huyện K, tỉnh H vào ngày 19/02/2020, đến nay chưa ly hôn. Cuối năm 2021, bị cáo L và K quen biết và nảy sinh tình cảm, tháng 5/2022 bị cáo L chuyển đến chung sống cùng bị cáo K tại nhà bị cáo K ở thôn T, xã P, huyện K. Ngày 22/02/2023 bị cáo L sinh con (*theo bị cáo L và K trình bày là con chung của hai người*). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có công văn đề nghị UBND xã P, huyện K, tỉnh H xem xét xử lý theo quy định là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với cả hai bị cáo; điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

2. **Tuyên bố:** Các bị cáo Đỗ Văn K và Đinh Thị L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

3. Xử phạt:

Bị cáo Đỗ Văn K 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2022.

Bị cáo Đinh Thị L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu hoàn lại sau giám định số 43/KL-KTHS bên trong có: 1,881g (một phẩy tám tám một gam) ma túy loại Ketamine, 02 túi nilon, 01 gói giấy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS vỏ màu vàng đã qua sử dụng; tịch thu cho tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0392.099.345.

Trả lại bị cáo Đinh Thị L số tiền 748.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKS-YM ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và ủy nhiệm chi lập ngày 13/4/2023 của Công an huyện Y tại Kho bạc Nhà nước Y.

5. **Về án phí:** Buộc các bị cáo Đỗ Văn K và Đinh Thị L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. **Quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- Trại tạm giam - CA tỉnh H;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Phan Thị Nhiên